

CÙNG NHƯ CẢ NƯỚC, GIÁO DỤC ĐÀO TẠO Ở NAM BỘ TỪ SAU NGÀY GIẢI PHÓNG ĐÃ PHÁT TRIỂN CÓ TÍNH HỆ THỐNG TRÊN QUI MÔ LỚN CẢ VỀ SỐ TRƯỜNG LỚP, ĐỘI NGŨ THẦY CÔ GIÁO VÀ HỌC

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Ở NAM BỘ

ĐÀO CÔNG TIẾN

(Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

Trong một số năm gần đây, thực hiện ba chương trình hành động của ngành, nhiều trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề có chuyển biến tích cực về qui trình, nội dung, phương pháp đào tạo, về nghiên cứu khoa học và lao động sản xuất; về dân chủ công khai và công bằng trong xây dựng và phát huy nguồn lực của đội ngũ thầy cô giáo, của học sinh. Một số trường đã mở rộng quan hệ hợp tác và xích lại gần với trình độ quốc tế.

Sự thành đạt trên đây, có nguyên nhân từ bản chất của chế độ xã hội mới, sự ham muốn học tập của nhân dân và tâm huyết của không ít thầy cô giáo, cán bộ lãnh đạo và quản lý đối với sự nghiệp giáo dục, đào tạo.

Tuy nhiên, giáo dục đào tạo ở Nam bộ còn nhiều mặt yếu kém làm không yên lòng nhiều người trong ngành và nhân dân trên vùng. Số người mù chữ còn chiếm tỷ lệ lớn (vùng sâu, vùng dân tộc ít người có nơi lên đến 30-40%, số người lao động được giáo dục hết phổ thông còn ít, được đào tạo đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề lại càng ít hơn. Cơ cấu ngành nghề và bậc học chưa hợp lý, cộng với việc bố trí sử dụng không theo ngành nghề và bậc học nên mất cân đối nghiêm trọng hơn, nhất là giữa công nhân kỹ thuật với kỹ thuật viên trung cấp, cán bộ đại học, vốn đã ít. Cán bộ và công nhân kỹ thuật một số ngành có nhu cầu lớn như nông nghiệp, y tế, giáo dục cho Đồng bằng sông Cửu Long, một số khu vực ở Đồng Nam bộ, cả Duyên Hải Thành phố Hồ Chí Minh không được đào tạo và bố trí sử dụng hợp lý.

Chất lượng giáo dục đào tạo thấp và xuống cấp, nhất là kỹ năng thực hành, và gần đây có hiện tượng giảm sút về phẩm chất nhân cách. Chất lượng giáo dục phổ thông không chuẩn bị đủ cơ sở để học tốt ở những bậc học sau, không có hướng nghiệp, để chuyên vào lao động sản xuất đối với số học sinh không có điều kiện học

tiếp. Các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề còn dạy những lý thuyết cũ kỹ chưa tiếp cận kịp và đủ với khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, với yêu cầu đổi mới kinh tế-xã hội, với thông tin và khả năng tiếp thu thông tin.

Yếu kém trong giáo dục và đào tạo trên đây có nguyên nhân từ hiện trạng thấp kém của kinh tế-xã hội, chủ trương biện pháp thiếu xác đáng. Tổ chức và quản lý sản xuất thấp kém, tùy tiện đã dẫn đến việc ngộ nhận sự cần thiết của khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, ngộ nhận tri thức, ngộ nhận giáo dục đào tạo. Một bộ phận không ít cán bộ (cả trong tổ chức chính quyền đoàn thể và sản xuất kinh doanh) thiếu quan tâm đến giáo dục đào tạo vì họ ít hiểu biết về giáo dục đào tạo. Nhà nước chủ trương bao cấp toàn bộ trong điều kiện khả năng bao cấp rất hạn hẹp nên vừa tạo ra sự ỷ lại, thiếu trách nhiệm và quan tâm của mọi người, vừa không đủ sức đảm bảo điều kiện tối thiểu, thậm chí không chống nổi sự xuống cấp (về cơ sở trường lớp, trang thiết bị dạy và học, lương của thầy cô giáo và sự bảo trợ cần thiết đối với học sinh.)

Hiện trạng trên đây, so với yêu cầu ổn định, phát triển kinh tế-xã hội và đào tạo, để vùng Nam bộ cất cánh vào trước sau năm 2000, đã đặt vấn đề giáo dục và đào tạo Nam bộ trước những yêu cầu vô cùng to lớn, cấp bách không thể lẩn tránh được: Lo cho trẻ em đến tuổi đi học được đến trường, phổ cập cấp I, nâng tỷ lệ cấp II, cấp III trong đội ngũ lao động; tổ chức hướng nghiệp trong giáo dục phổ thông, phát triển dạy nghề sau phổ thông cơ sở và phổ thông trung học; nâng qui mô và chất lượng đào tạo trung học chuyên nghiệp, đại học, sau đại học, để vừa mở mang dân trí, vừa tạo nghề nghiệp cho người lao động và tạo nhân tài lên ngang trình độ cả nước đồng thời xích lại gần với trình độ quốc tế.

Để đáp ứng được những yêu cầu nêu trên, những việc làm sau đây thiết nghĩ không thể không quan tâm thiếu được:

- Xây dựng cho được một hệ thống giáo dục và đào tạo thực sự hoàn chỉnh trên cả vùng (từ nhà trẻ mẫu giáo, phổ thông cơ sở và phổ thông trung học, dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và sau đại học) với qui trình, loại hình, ngành học, hệ thống trường lớp thông thoáng, hợp lý cả đầu vào lẫn đầu ra, thích hợp thuận lợi cho mọi người, mọi hoàn cảnh ai muốn học cần học đều có thể học được. Đầu ra phải vừa đáp ứng yêu cầu làm cho nghề nghiệp được đào tạo thích ứng với việc làm ngoài xã hội, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển của con đường học vấn phù hợp với khả năng vươn tới của người học. Những vấn đề nổi cộm sau đây cần phải được đưa vào chương trình đổi mới qui trình, nội dung, phương pháp giáo dục và đào tạo:

+ Chẽ nhánh sau phổ thông cơ sở thành phổ thông trung học và phổ thông trung học chuyên ngành. Giáo dục kỹ thuật tổng hợp ở PTTH theo yêu cầu hướng nghiệp và dạy nghề ở PTTH chuyên ngành để tạo nghề và để học sinh nào không có khả năng học lên cũng có nghề nghiệp bước vào đời. Coi trọng việc đào tạo kỹ thuật viên trung cấp, kỹ thuật viên cao cấp (kỹ sư thực hành) ở trung học chuyên nghiệp và cao đẳng. Nâng chất và hoàn chỉnh đại học chính qui (hệ đại học chuẩn) và mở rộng cao học (bậc học sau đại học).

+ Bổ sung thêm nhiều môn học mới, đổi mới nội dung các môn học hiện có, để tiếp cận được với khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, phù hợp với việc phát triển nền kinh tế hàng hoá, nhiều thành phần, hạch toán kinh doanh, hợp tác quốc tế và định hướng XHCN.

+ Tổ chức thực hành thiết thực thông qua việc gắn nhà trường với sản xuất kinh doanh, với nghiên cứu và ứng dụng khoa học trong lao động sản xuất-thực hiện một qui trình nhất thể hoá giáo dục đào tạo-nghiên cứu khoa học - lao động sản xuất.

+ Tổ chức qui trình giáo dục đào tạo có sàng lọc; tuyển chọn, khuyến khích phát

triển tài năng. Tuyển sinh viên vào các bậc học cao, các ngành đòi hỏi năng khiếu, năng lực cao và phải đãi ngộ về vật chất, bố trí chỗ làm việc thích hợp sau khi tốt nghiệp dựa trên năng lực, năng khiếu người học.

- Tăng số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy; đối với các nhà lãnh đạo và quản lý giáo dục đào tạo cần có số lượng đủ, cơ cấu hợp lý, có tinh thần thiết tha gắn bó với nghề nghiệp, và có năng lực chuyên môn cao (cả lý thuyết và thực hành). Để làm được điều đó phải:

- + Từng bước giải quyết chế độ tiền lương thỏa đáng (không thấp hơn tiền lương của những cán bộ trong các lĩnh vực hoạt động khác).

- + Đáp ứng đầy đủ tài liệu, sách báo thông tin và các phương tiện vật chất kỹ thuật cho giảng dạy, nghiên cứu và học tập.

- + Mở rộng giao tiếp với quốc tế.

- Học sinh, sinh viên là đối tượng tiếp nhận giáo dục, đào tạo và tự giáo dục đào tạo. Do đó, phải vừa phát huy quyền chủ động, năng động, sáng tạo, vừa đề cao trách nhiệm trong học tập rèn luyện. Thực hiện dân chủ, công khai, công bằng, tôn trọng nhân cách của học sinh, sinh viên cả trong môi trường nhà trường, trong gia đình và ngoài xã hội. Kết hợp giáo dục đào tạo với tự giáo dục và đào tạo. Kết hợp nhà trường, gia đình, xã hội thành một thể thống nhất của giáo dục, đào tạo toàn diện.

- Xây dựng thêm, tu sửa nâng cấp trường lớp, cơ sở thực hành cho đầy đủ, đáp ứng được yêu cầu chất lượng giáo dục đào tạo. Phần đầu có đủ sách và tài liệu tham khảo cần thiết cho học sinh, sinh viên, đủ cơ sở thực hành (không còn học chay). Cơ sở thực hành trong các trường Đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề cần được sử dụng gắn với nghiên cứu, dịch vụ và sản xuất để bảo tồn, tái tạo lại vốn nhằm mở rộng và đổi mới kỹ thuật.

- Chấn chỉnh và phát triển giáo dục đào tạo đòi hỏi vốn đầu tư rất lớn, phải có biện pháp huy động tổng hợp từ nhiều nguồn:

- + Nâng tỷ lệ đầu tư của ngân sách cho giáo dục đào tạo.

- + Mở rộng các hình thức đóng góp của nhân dân bằng việc cho áp dụng chế độ đóng học phí, cho mở trường dân lập, tự túc đi học ở nước ngoài.

- + Tạo điều kiện và khuyến khích các trường tổ chức nghiên cứu khoa học, lao động sản xuất, kết hợp thực hành và kinh doanh dịch vụ để tạo nguồn thu bổ sung cho quỹ giáo dục đào tạo.

ĐCT

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÙNG NAM BỘ ĐẾN NĂM 2000

DẪN NHẬP:

Chiến lược phát triển của một vùng liên quan đến chiến lược phát triển của cả đất nước. Do đó xuất phát điểm của những kiến nghị là tình hình chung, có tính đến đặc điểm vùng.

Nam bộ là một vùng kinh tế khá phát triển so với cả nước (kinh tế hàng hóa phát triển tương đối sớm, chiếm tỷ lệ lớn trong sản lượng lúa gạo cả nước, có vùng đầu khí, TP. HCM chiếm 20% dân số nhưng nộp ngân sách chiếm 30%...), có được sự ưu đãi của tự nhiên. Nhưng về giáo dục thì hiện nay phát triển kém so với cả nước (Theo số liệu thống kê, năm học 88 - 89, số lượng học sinh cấp I bỏ học ở miền Bắc: 10,9%, còn ở miền Nam 14,5%. Cấp II bỏ học ở miền Bắc 21,7%, ở miền Nam 32,28%)

So sánh giữa hai tỉnh:

Thanh Hóa và Bến Tre

Cấp bỏ học Cấp bỏ học

I 15% I 19,4%

II 28,24% II 37,21%

III 18% III 39%

* Chỉ số về giáo dục ở Nam bộ thấp hơn và xấu hơn ở các nơi khác.

Điều đó có những nguyên nhân lịch sử xa (miền đất của dân di dân) và gần (15 năm nay chuyển từ chế độ cũ sang chế độ mới, giáo dục có bị đảo lộn; kém chất lượng hơn do nhập vào hệ thống quản lý "tập trung quan liêu" của ta); ngoài ra, ở địa hình chia cắt, đi lại khó khăn, kinh tế nông nghiệp lạc hậu không cần văn hóa cao, ta chưa đầu tư cơ bản thích ứng cho giáo dục, các cấp lãnh đạo địa phương còn nhận thức ấu trĩ về giáo dục. Ngay trong ngành giáo dục, phần đầu tư kinh phí cho các trường học ở phía Nam trong thời gian qua cũng không được chú ý đúng mức, đối xử với giáo dục, giáo viên chưa xứng với tầm quan trọng của nó. Có mặt tác động của tính thực dụng vào tâm lý cha mẹ học sinh khi nhìn vào đời sống trí thức, thầy giáo, nên con số bỏ học đông (100 học sinh lớp I ở TP. Hồ Chí Minh sau 5 năm còn 66, sau 12 năm còn 9, vào đại học 1).

Điều đó làm nổi bật hiện trạng của giáo dục tại Nam bộ là: trừ một vài trung

tâm lớn, giáo dục ở Nam bộ phát triển chậm hơn miền Bắc, mạng lưới trường thưa hơn, đội ngũ thầy cô giáo ít hơn, truyền thống học sinh đi học không được như một số trường ở miền Bắc.

Với chính sách mở cửa và triển vọng phát triển kinh tế sắp tới thì Nam bộ là nơi cần chất lượng của người lao động và giáo dục phải phát triển như thế nào để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, nhu cầu xây dựng con người, xã hội mới. Do đó đặt ra vấn đề cần có một cái nhìn chiến lược về sự phát triển kinh tế xã hội, đi đến phát triển giáo dục cho vùng Nam bộ.

PHẦN A

Nhìn chung, tuy có sự phát triển về số lượng trường lớp và học sinh ở một số địa phương trong mấy năm gần đây, giáo dục phổ thông ở Nam bộ nằm trong tình trạng giáo dục chung của cả nước vẫn ở trong tình trạng xuống cấp nghiêm trọng, biểu hiện ở: chất lượng giáo dục sút giảm, học sinh bỏ học ngày càng đông, số giáo viên bỏ nghề tăng (1). Cơ sở vật chất, trang thiết bị của giáo dục thiếu thốn, nghèo nàn, đầu tư của nhà nước, tuy đã cố gắng đầu tư ở mức trung bình của thế giới (2), mất cân đối lớn giữa yêu cầu hiện đại hóa giáo dục và sự quá tải của nhà nước; lương giáo viên quá thấp, thầy giáo không được xã hội tôn trọng, vị trí xã hội của thầy giáo ở vào hàng thấp nhất. Mặt khác, đội ngũ thầy giáo, đội ngũ quản lý giáo dục nhìn chung yếu kém không đáp ứng được nhu cầu hiện đại hóa giáo dục làm nòng cốt cho sự phát triển kinh tế xã hội. Đảng và nhà nước tuy trên phát biểu có thừa nhận vai trò quan trọng của giáo dục trong việc tạo ra con người, tạo tiềm năng cho sự cất cánh phát triển kinh tế, song trên thực tế chưa có giải pháp và chính sách cụ thể; ở cấp địa phương, nhận thức và biện pháp lại càng yếu ớt. Sự yếu kém về giáo dục và đào tạo là một trong mấy nguyên nhân cơ bản làm cho đất nước từ nay đến năm 2000 khó thể tiến lên với những bước vững chắc (độ 5%/năm), chưa nói gì đến cất cánh để trở thành một nước công nghiệp mới (NIC) trong thập kỷ đầu của thế kỷ 21,

PHÁT TRIỂN KINH TẾ